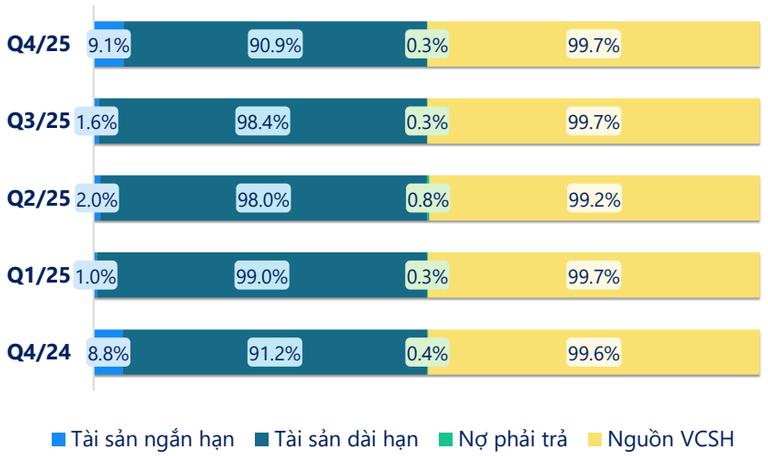
FireAnt

CTCP Đầu tư Sao Thăng Long (HNX: DST)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	9,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,400
SL cổ phiếu LH	32,219,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	41,575
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	293
P/E	135.4
EPS	67

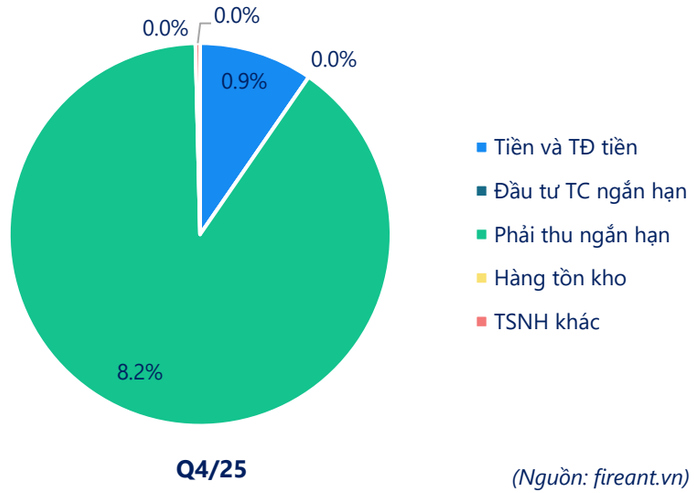
	YTD	1T	3T	6T
DST	49.2%	-1.1%	1.1%	5.8%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



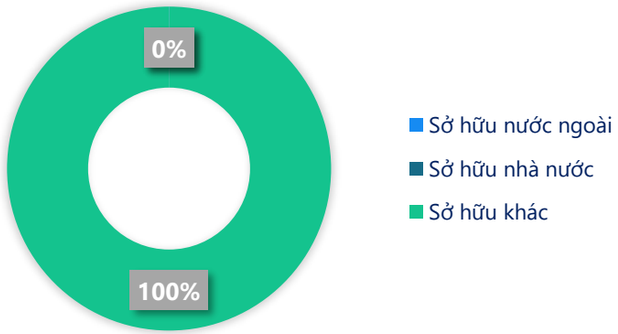
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



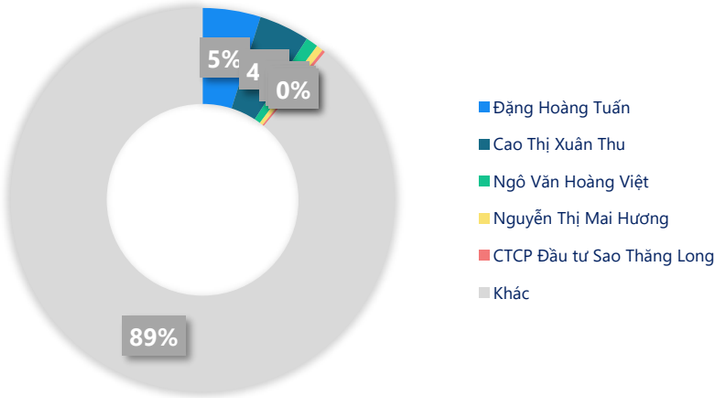
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



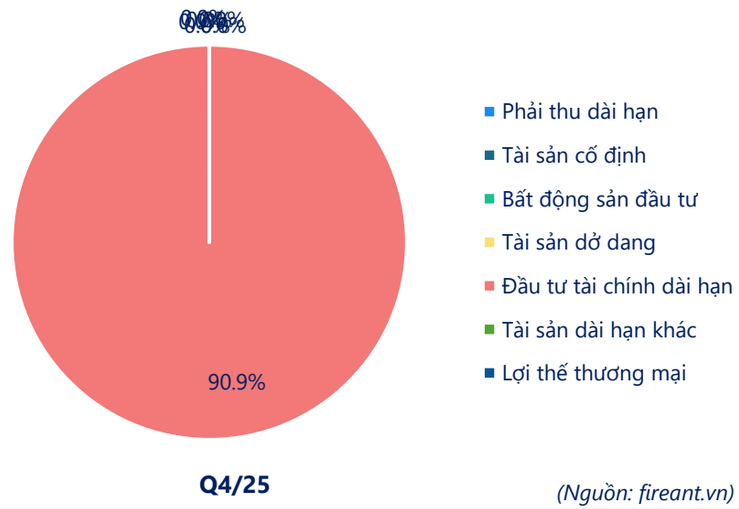
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

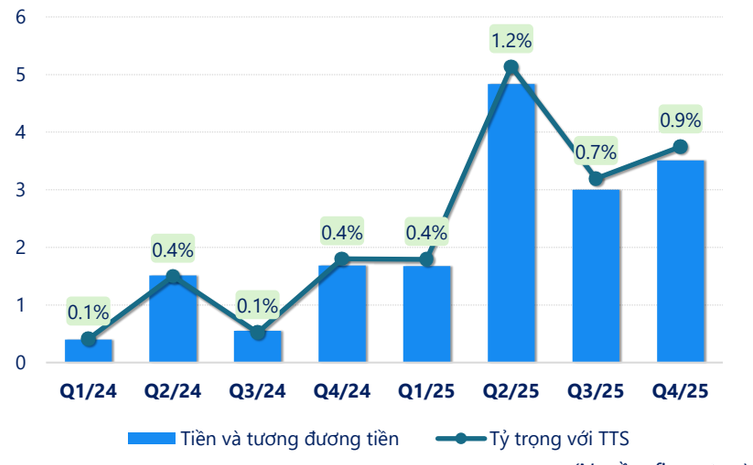


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

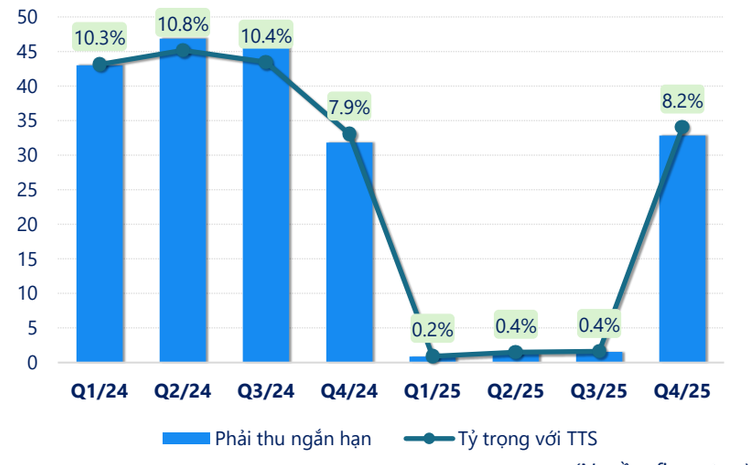
CTCP Đầu tư Sao Thăng Long (HNX: DST)

Tiền và tương đương tiền



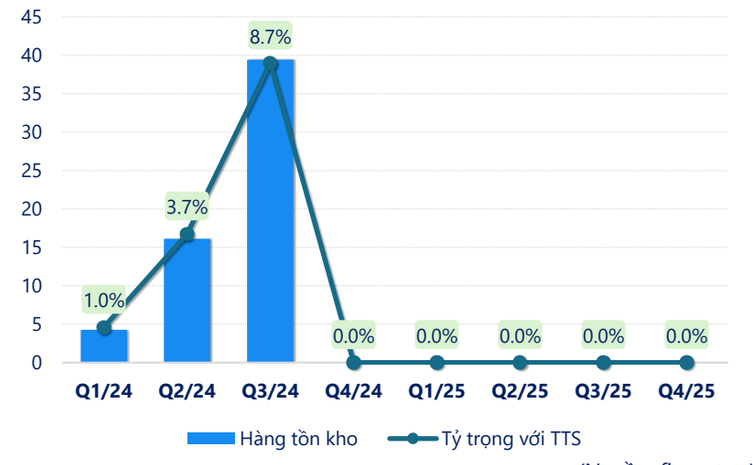
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



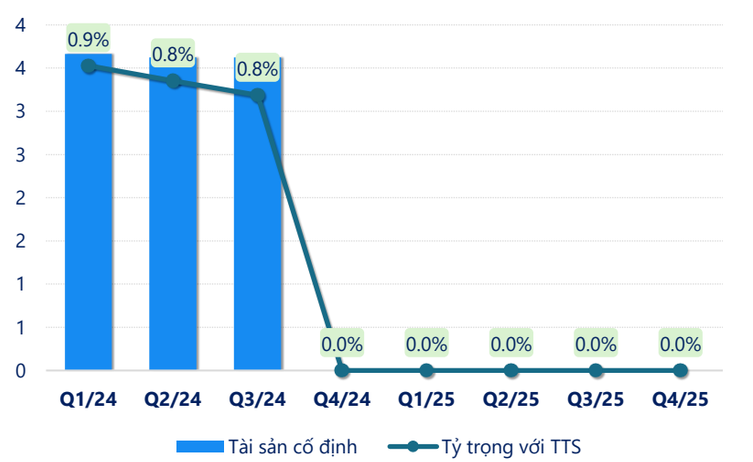
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



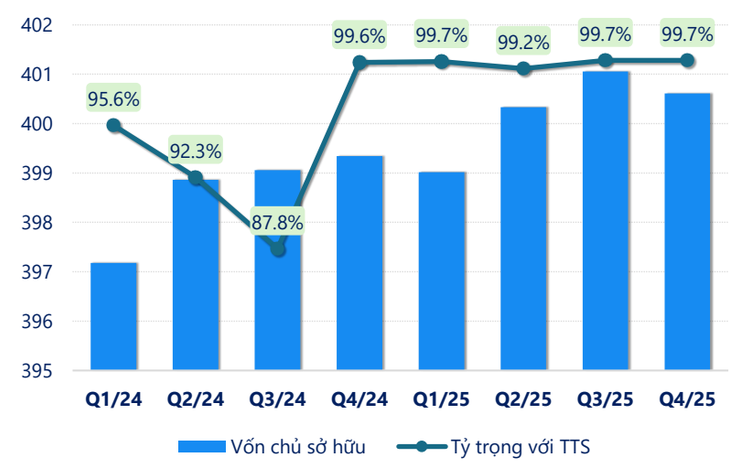
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

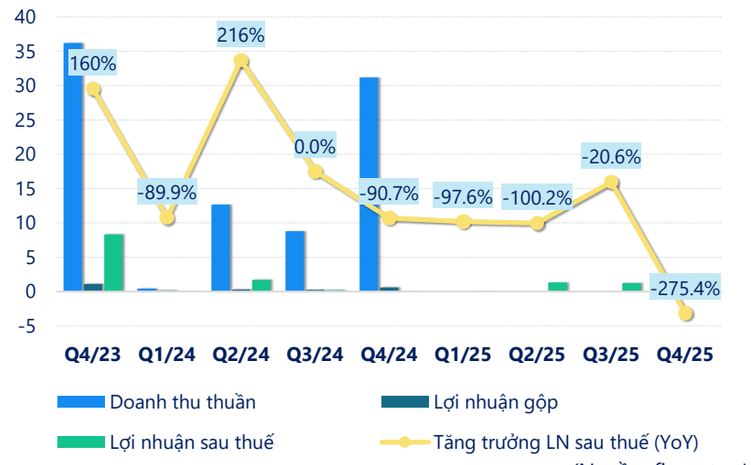
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

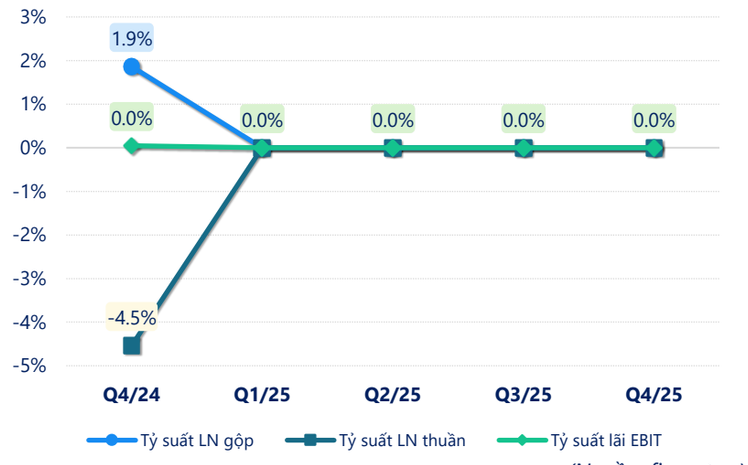
CTCP Đầu tư Sao Thăng Long (HNX: DST)

Kết quả kinh doanh



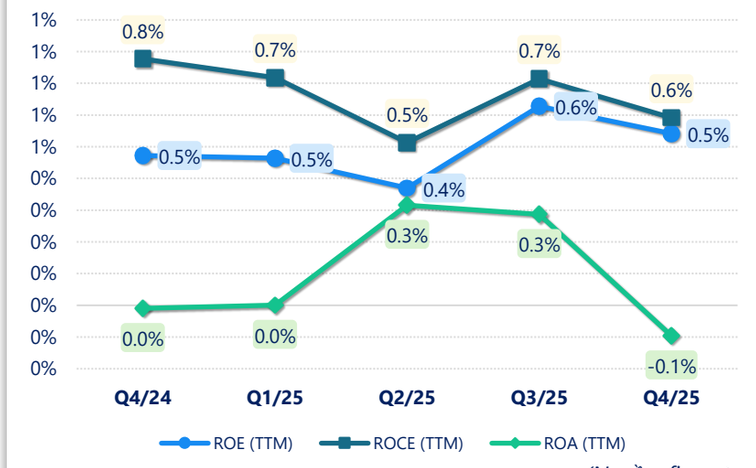
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



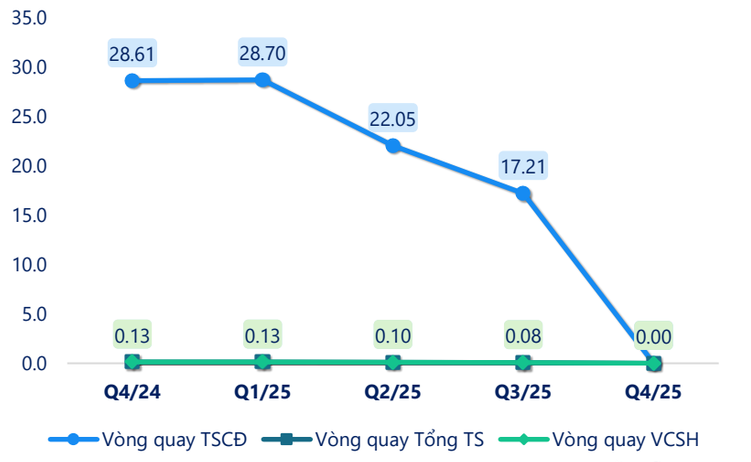
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



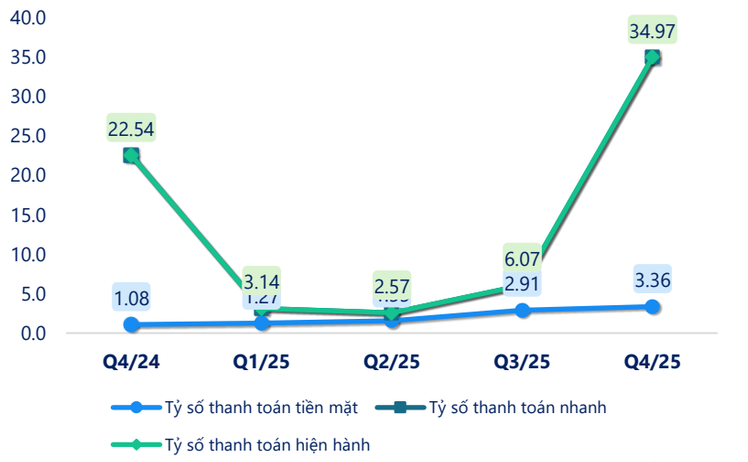
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



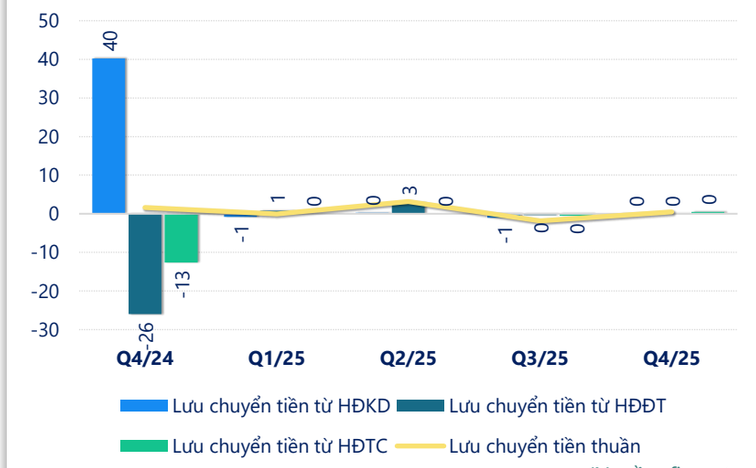
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư Sao Thăng Long (HNX: DST)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**402**	**401**	**0.3%**
Tài sản ngắn hạn	36.5	4.35	739%
Tiền và tương đương tiền	3.51	1.69	108%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	1.73	-100%
Phải thu ngắn hạn	32.9	0.82	3916%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.14	0.12	22.4%
Tài sản dài hạn	**365**	**396**	**-7.9%**
Phải thu dài hạn	0	31.0	-100%
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	365	365	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.01**	**0.02**	**-56.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1.04	1.73	-39.5%
Nợ ngắn hạn	**1.04**	**1.53**	**-31.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.19	0.22	-16.3%
Nợ dài hạn	0	0.20	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**401**	**399**	**0.4%**
Vốn chủ sở hữu	**401**	**399**	**0.4%**
Vốn điều lệ	323	323	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	31.2	0	0	0	0
Giá vốn hàng bán	30.6	0	0	0	0
Lợi nhuận gộp	0.58	0	0	0	0
Doanh thu HĐTC	1.85	0.92	2.33	0.95	0.01
Chi phí TC	-0.13	0.25	0.25	0.03	-0.16
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	-0.86	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.17	0	0	0	0
Chi phí QLDN	2.94	0.66	0.76	0.48	0.64
LN thuần từ HĐKD	-1.41	0.00	1.32	0.45	-0.48
Lợi nhuận khác	1.43	0.00	0.00	1.07	0.00
LN trước thuế	0.01	0.00	1.32	1.52	-0.48
Lợi nhuận sau thuế	-0.04	0.00	1.32	1.23	-0.39
LNST của CĐ cty mẹ	-0.04	0.00	1.32	1.23	-0.39

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	40.2	-0.83	0.29	-1.05	0.04
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-26.0	0.82	2.87	-0.32	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-12.6	0	0	-0.47	0.47
Tiền đầu kỳ	0.55	1.69	1.67	4.84	3.00
Lưu chuyển tiền thuần	**1.61**	**-0.01**	**3.16**	**-1.84**	**0.51**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.69	1.67	4.84	3.00	3.51

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic